Ký bởi: Bộ thông tin và Truyền thông
Cơ quan: Bộ Thông tin và Truyền thông
Thời gian ký: 31/08/2020 17:28:16

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3364 /BTTTT-CATTT Về việc Báo cáo Tổng kết tình hình thi hành Luật Giao dịch điện tử.	*Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2020*

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành tổng kết Luật Giao dịch điện tử (viết tắt là Luật GDĐT).

Trên cơ sở các Báo cáo Tổng kết tình hình thi hành Luật GDĐT 2005 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các bộ, cơ quan ngang bộ, các hiệp hội và các doanh nghiệp, ngân hàng lớn, ý kiến độc lập của các chuyên gia trong lĩnh vực GDĐT và kết quả của **03** hội thảo được tổ chức tại Hà Nội *(vào các ngày 23/6/2020, 02/7/2020 và 13/8/2020),* Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng Báo cáo Tổng kết tình hình thi hành Luật GDĐT. Bộ Thông tin và Truyền thông kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ một số nội dung chính của Báo cáo Tổng kết tình hình thi hành Luật GDĐT như sau:

1. Những điểm tồn tại, hạn chế của Luật GDĐT

Luật GDĐT số 51/2005/QH11 được Quốc hội khóa XI thông qua tại kỳ họp thứ 8, ngày 29/11/2005, tạo cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy giao dịch điện tử.

Triển khai thực hiện Luật GDĐT, Chính phủ và các bộ, ngành đã ban hành **102** văn bản hướng dẫn thi hành Luật, bao gồm: **32** Nghị định, **52** Thông tư, **01** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và nhiều Quyết định của các bộ, cơ quan ngang bộ hướng dẫn thi hành Luật GDĐT. Các văn bản hướng dẫn nêu trên xác định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; bảo đảm sự phân công, phối hợp, thực hiện phát triển và ứng dụng GDĐT trên phạm vi cả nước.

Luật GDĐT được ban hành từ 2005 nên đến nay đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế, cụ thể:

1.1. Về Phạm vi điều chỉnh

Điều 1, Phạm vi điều chỉnh của Luật GDĐT quy định không áp dụng GDĐT đối với *"việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các bất*

động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, hối phiếu và các giấy tờ có giá khác". Việc loại trừ này gây khó khăn cho việc triển khai dịch vụ công trực tuyến cũng như triển khai ứng dụng GDĐT trong các lĩnh vực thuộc phạm vi kể trên.

Lý do của việc loại trừ này là tại thời điểm năm 2005 nhiều ý kiến lo ngại các GDĐT trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các bất động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, hối phiếu và các giấy tờ có giá khác không bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử. Đến nay, GDĐT đặc biệt là dịch vụ công trực tuyến đã trở nên phổ biến, được chấp nhận rộng rãi. Nếu tiếp tục loại trừ, không áp dụng GDĐT như quy định tại Điều 1 của Luật GDĐT sẽ là rào cản pháp lý cho việc triển khai GDĐT trong các lĩnh vực tư pháp, đất đai, xây dựng, tài chính.

1.2. Quy định đảm bảo giá trị pháp lý của giao dịch điện tử

Luật GDĐT năm 2005 chưa quy định rõ ràng về thông điệp dữ liệu an toàn và chữ ký điện tử an toàn, dẫn đến sự thiếu tin tưởng của các bên khi tham gia GDĐT. Bên cạnh đó, Luật còn thiếu quy định về định danh, xác thực điện tử, dịch vụ tin cậy, nhà cung cấp dịch vụ tin cậy dẫn tới hạn chế trong xác định trách nhiệm pháp lý của các bên liên quan trong GDĐT. Cụ thể:

1.2.1. Quy định về thông điệp dữ liệu

- Luật GDĐT thiếu quy định về thông điệp dữ liệu an toàn. Điều 11 Luật GDĐT quy định về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu. Tuy nhiên Luật chưa quy định thông điệp dữ liệu an toàn, áp dụng trong các trường hợp cần bảo đảm an toàn. Về vấn đề này, Luật GDĐT 2010 của Singapore quy định: "*Thông điệp dữ liệu an toàn được xác định là an toàn nếu được áp dụng một quy trình chỉ định hoặc thủ tục an toàn hợp lý, áp dụng đúng cách xác minh để đảm bảo rằng thông điệp dữ liệu không bị thay đổi so với một mốc thời điểm cụ thể*".

- Luật GDĐT quy định về địa điểm gửi, nhận thông điệp dữ liệu không phù hợp với tính chất của GDĐT

Khoản 2 Điều 17 Luật GDĐT quy định: "*2. Địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là trụ sở của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cá nhân. Trường hợp người khởi tạo có nhiều trụ sở thì địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là trụ sở có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch.";*

Khoản 2 Điều 19 quy định: *"2. Địa điểm nhận thông điệp dữ liệu là trụ sở của người nhận nếu người nhận là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú thường xuyên của người nhận nếu người nhận là cá nhân. Trường hợp người nhận có*

nhiều trụ sở thì địa điểm nhận thông điệp dữ liệu là trụ sở có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch.".

Việc quy định địa điểm GDĐT là "trụ sở" hoặc "nơi cư trú" của người khởi tạo thông điệp dữ liệu không đúng với tính chất của GDĐT. Khi kết nối với Internet, người dùng có thể gửi, nhận thông điệp dữ liệu ở bất cứ nơi nào.

- Luật GDĐT chưa quy định về gán dấu thời gian đối với thông điệp dữ liệu. Để xác định chính xác thời điểm gửi, nhận thông điệp dữ liệu và có căn cứ giải quyết tranh chấp.

- Luật GDĐT chưa quy định về chuyển đổi tài liệu điện tử sang tài liệu giấy và ngược lại. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, ngành tài chính, bảo hiểm đã quy định việc chuyển đổi chứng từ điện tử sang chứng từ giấy và ngược lại tại Nghị định 165/2018/NĐ-CP và Nghị định 166/2016/NĐ-CP. Các lĩnh vực khác không có quy định nội dung này nên không triển khai được việc chuyển đổi tài liệu điện tử sang tài liệu giấy và ngược lại.

1.2.2. Quy định về chữ ký điện tử và chứng thực chữ ký điện tử

- Luật chưa quy định rõ về chữ ký điện tử an toàn. Điều 22 Luật GDĐT quy định điều kiện để bảo đảm an toàn cho chữ ký điện tử, tuy nhiên hiện chưa rõ ràng về yêu cầu đối với tính toàn vẹn, xác thực gây khó khăn trong triển khai. Về vấn đề này, Luật GDĐT 2010 của Singapore quy định rất rõ *"chữ ký điện tử an toàn nếu được áp dụng một quy trình bảo mật được chỉ định trước hoặc một thủ tục bảo mật thương mại phù hợp do hai bên liên quan thống nhất, có thể xác minh thời điểm tạo và chữ ký điện tử là: (1) duy nhất đối với người sử dụng; (2) có khả năng xác định người đó; (3) được tạo ra theo cách thức hoặc sử dụng dưới sự kiểm soát của người sử dụng và (4) được liên kết với hồ sơ điện tử liên quan theo cách khi bản ghi bị thay đổi thì chữ ký điện tử bị vô hiệu. Chữ ký như vậy được gọi là chữ ký điện tử an toàn".*

- Luật GDĐT chưa quy định và công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử theo cấp độ. Về vấn đề này, Quy định về định danh điện tử và dịch vụ tin cậy cho GDĐT trong thị trường nội khối (eIDAs) của Liên minh châu Âu xác định có 3 cấp độ chữ ký điện tử là: đơn giản, cao cấp và bảo đảm.

1.2.3. Quy định về định danh và xác thực điện tử

Luật GDĐT thiếu quy định về định danh và xác thực điện tử. Thực tế cho thấy nhu cầu xác minh danh tính điện tử các bên tham gia GDĐT là cấp thiết. Trong giao dịch thương mại điện tử, việc định danh và xác thực điện tử mang tính chất sống còn đối với sàn thương mại điện tử.

Trong pháp luật dân sự việc định danh và xác thực các cá nhân, tổ chức dựa trên một số giấy tờ đã được quy định như chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu *(đối với cá nhân),* hoặc các giấy đăng ký kinh doanh, quyết

định thành lập, v.v. *(đối với tổ chức)*. Đối với hoạt động GDĐT hiện chưa có các quy định, chưa có phương thức để định danh và xác thực các cá nhân, tổ chức khi tham gia các giao dịch trên môi trường điện tử.

1.2.4. Quy định về dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy

- Luật GDĐT thiếu quy định về dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy. Dịch vụ tin cậy đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm niềm tin của các cơ quan, tổ chức đối với GDĐT. Theo kinh nghiệm quốc tế, cần có quy định các loại hình dịch vụ tin cậy mới *(cấp dấu thời gian, con dấu điện tử, chuyển phát dữ liệu ủy thác, xác thực trang web...)* và quản lý nhà cung cấp dịch vụ này để đáp ứng nhu cầu GDĐT trong thực tiễn, phù hợp xu thế phát triển.

Về vấn đề này, Liên minh châu Âu quy định *Dịch vụ tin cậy bao gồm: "(1) tạo lập, xác minh và xác nhận chữ ký điện tử, con dấu điện tử hoặc tem thời gian điện tử, chuyển phát dữ liệu ủy thác và chứng chỉ liên quan đến các dịch vụ đó hoặc (2) việc tạo lập, xác minh và xác nhận các chứng chỉ xác thực trang web; hoặc (3) bảo quản chữ ký, con dấu điện tử hoặc chứng chỉ liên quan đến các dịch vụ đó".*

1.3. Quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử

- Luật GDĐT chưa quy định giá trị pháp lý của một đề nghị giao kết hợp đồng dưới hình thức điện tử, tạo khoảng trống pháp lý đối với đề nghị giao kết hợp đồng điện tử (đối với giao dịch truyền thống, Bộ Luật Dân sự 2015 quy định một đề nghị giao kết hợp đồng có giá trị pháp lý và ràng buộc người đề nghị về những gì mà họ đã đưa ra với người được đề nghị. Điều 390 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: *"Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định cụ thể").*

- Luật GDĐT chưa có quy định liên quan đến điều kiện có hiệu lực của hợp đồng điện tử: Luật GDĐT không đề cập đến điều kiện có hiệu lực của hợp đồng điện tử; hoặc dẫn chiếu, kết nối với các quy định trong thực hiện hợp đồng điện tử với hệ thống pháp luật về hợp đồng và giao kết hợp đồng nói chung. Luật GDĐT chưa có quy định về giao dịch vô hiệu. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cũng không quy định cụ thể về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng điện tử, cũng như các trường hợp hợp đồng điện tử bị coi là vô hiệu giao dịch vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng điện tử/giao dịch vô hiệu.

1.4. Quy định về GDĐT của cơ quan nhà nước

Các quy định của Luật GDĐT còn ở mức nguyên tắc chung, không đủ cụ thể để áp dụng trong thực tế và không giao Chính phủ quy định chi tiết về GDĐT trong cơ quan nhà nước. GDĐT của các cơ quan nhà nước đã phát triển mạnh mẽ

(dịch vụ công trực tuyến, gửi nhận văn bản điện tử, trao đổi dữ liệu, v.v.) nhưng chủ yếu được điều chỉnh bởi các văn bản dưới Luật.

1.5. Quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong GDĐT

Luật GDĐT có một số quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật giao dịch điện tử. Tuy nhiên Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 và Luật An ninh mạng năm 2018 đã có nhiều quy định cụ thể về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng cho các GDĐT, dẫn đến của các quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong Luật GDĐT không còn giá trị áp dụng thực tế.

1.6. Quy định về tranh chấp và xử lý vi phạm

Các khía cạnh liên quan đến tranh chấp của giao dịch truyền thống được quy định khá chi tiết trong nhiều luật khác nhau. Quy định các vấn đề liên quan trong giải quyết tranh chấp của GDĐT trong Luật GDĐT còn thiếu hoặc chưa có các quy định dẫn chiếu cụ thể đến các Luật chuyên ngành về phương thức giải quyết tranh chấp đặc thù, liên quan đến việc ký kết và thực hiện GDĐT.

2. Định hướng sửa đổi Luật GDĐT

2.1. Mục tiêu

Việc sửa đổi, bổ sung Luật GDĐT 2005 nhằm xây dựng Luật trở thành nền tảng pháp lý điều chỉnh các vấn đề chung phát sinh trong giao dịch trên môi trường điện tử theo nguyên tắc tự do, tự nguyện, bình đẳng và tự chịu trách nhiệm giữa các bên tham gia. Luật GDĐT tạo hành lang pháp lý ghi nhận và bảo vệ quyền của tổ chức, cá nhân trong GDĐT, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

2.2. Các quan điểm xây dựng dự án Luật GDĐT (sửa đổi)

Thứ nhất, thể chế hóa quan điểm mới của Đảng được nêu tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: *"Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia"*.

Thứ hai, Luật GDĐT quy định hành lang pháp lý cơ bản cho GDĐT, xác lập niềm tin của tổ chức, cá nhân đối với các hoạt động trên môi trường mạng. Đây là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ ba, Luật GDĐT phải có tính khái quát, tính dự báo cao để đảm bảo tính ổn định của Luật. Đồng thời, Luật GDĐT không làm thay các luật chuyên ngành, đáp ứng kịp thời sự phát triển thường xuyên, liên tục của các quan hệ xã hội. Luật điều chỉnh những vấn đề mang tính đặc thù hoặc phát sinh trên môi

trường điện tử, không nhắc lại những quy định pháp luật chung về hành chính dân sự mà chủ thể tham gia GDĐT đương nhiên có nghĩa vụ tuân thủ.

Thứ tư, Luật GDĐT sửa đổi phải bảo đảm tính kế thừa và phát triển các quy định còn phù hợp thực tiễn của Luật GDĐT 2005; tham khảo kinh nghiệm xây dựng Luật GDĐT và pháp luật liên quan của nước ngoài, nhất là các nước có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng với Việt Nam.

Thứ năm, Luật GDĐT điều chỉnh các vấn đề chung nhất về giao dịch trên môi trường điện tử. Luật GDĐT không quy định cụ thể các hình thức, loại hình GDĐT trên tất cả các lĩnh vực, nhưng phải đủ bao quát, hàm lượng đủ sâu để làm căn cứ cho các văn bản pháp luật chuyên ngành quy định chi tiết, thống nhất, đồng bộ các hoạt động GDĐT trong từng lĩnh vực.

2.3. Dự kiến sửa đổi một số nội dung Luật GDĐT

Luật GDĐT sửa đổi phải giải quyết được các vấn đề còn tồn tại, hạn chế của Luật GDĐT năm 2005 bao gồm:

2.3.1. Về phạm vi điều chỉnh

Nghiên cứu, đánh giá để mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật GDĐT theo hướng không loại trừ đối với "*việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các bất động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, hối phiếu và các giấy tờ có giá khác*" được quy định tại Điều 1 Luật GDĐT. Pháp luật chuyên ngành sẽ quy định có cho phép việc thực hiện GDĐT trong các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể, tùy thuộc vào sự phát triển của CNTT và chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ.

Dự kiến, phạm vi điều chỉnh của Luật sửa đổi sẽ bao gồm tất cả các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho ứng dụng GDĐT trong toàn bộ hoạt động kinh tế-xã hội. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc chuyển đổi số của đất nước, phát triển chính phủ điện tử, thương mại điện tử.

2.3.2. Quy định bảo đảm giá trị pháp lý của GDĐT

Để bảo đảm giá trị pháp lý của các GDĐT, Luật GDĐT (sửa đổi) cần:

- Quy định rõ ràng, phân biệt các khái niệm thông điệp dữ liệu, thông điệp dữ liệu an toàn, chữ ký điện tử, chữ ký điện tử an toàn. Đồng thời, Luật GDĐT (sửa đổi) cần quy định rõ các điều kiện, tiêu chuẩn để chữ ký điện tử được xác định là chữ ký điện tử an toàn và thông điệp dữ liệu được xác định là thông điệp dữ liệu an toàn.

Quy định cụ thể, rõ ràng hơn trong Luật GDĐT sửa đổi các cấp độ chữ ký điện tử, giá trị pháp lý theo từng cấp độ và các trường hợp sử dụng để chữ ký điện tử có tính ứng dụng cao, phù hợp với nhu cầu đa dạng của các GDĐT.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về thông điệp dữ liệu hiện còn chưa rõ ràng, hạn chế, chưa phù hợp với thực tiễn: địa điểm gửi và nhận, gán dấu thời gian đối với thông điệp dữ liệu, việc chuyển đổi chứng từ điện tử sang dạng giấy và ngược lại, bản gốc, bản sao, bản chính và giá trị pháp lý của chứng từ sau khi chuyển đổi, v.v.

- Bổ sung quy định đối với dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy *(cấp dấu thời gian, con dấu điện tử, chuyển phát dữ liệu ủy thác, xác thực trang web, v.v.)*.

- Quy định về giá trị pháp lý của chữ ký điện tử/chữ ký điện tử an toàn, và quy định các trường hợp sử dụng tương ứng với các cấp độ chữ ký điện tử *(cơ bản, an toàn, bảo đảm)*.

- Bổ sung quy định về định danh và xác thực điện tử nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử. Nghiên cứu việc áp dụng, công nhận giá trị pháp lý khi triển khai công nghệ mới như QR code, blockchain để xác thực và định danh.

2.3.3. Quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử

Nghiên cứu quy định hình thức của giao dịch, làm rõ giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử, các quy định mang tính chất đặc thù trong hoạt động giao kết khi tiến hành dưới hình thức điện tử và bổ sung quy định giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể đối với một số lĩnh vực chuyên ngành.

2.3.4. Giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước

Luật GDĐT (sửa đổi) cần rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các quy định về GDĐT trong cơ quan nhà nước cho phù hợp với thực tế phát triển, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho GDĐT của cơ quan nhà nước.

2.3.5. Quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong GDĐT

Luật GDĐT (sửa đổi) cần rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung các quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong GDĐT để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định của Luật an toàn thông tin mạng và Luật an ninh mạng.

2.3.6. Quy định về tranh chấp và xử lý vi phạm

Luật GDĐT (sửa đổi) cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về tranh chấp và xử lý vi phạm theo hướng dẫn chiếu đến các quy định của các Luật chuyên ngành về phương thức giải quyết tranh chấp đặc thù, liên quan đến việc ký kết và thực hiện GDĐT.

2.3.7. Sửa đổi, bổ sung các quy định phù hợp với định hướng phát triển công nghệ thông tin của Đảng, Nhà nước, Chính phủ

Luật GD ĐT cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để đáp ứng các yêu cầu mới đối với GD ĐT được xác định tại:

- Nghị quyết Nghị quyết số 52-NQ/TW: *"Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia; Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử-viễn thông; an toàn, an ninh mạng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hoá số; y tế; giáo dục và đào tạo".*

- Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: *"Tạo lập niềm tin vào tiến trình chuyển đổi số, hoạt động trên môi trường số thông qua việc hình thành văn hóa số, bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; Thể chế cần phải đi trước một bước khi có thể. Chính phủ kiến tạo thể chế, chính sách nhằm sẵn sàng chấp nhận và thử nghiệm cái mới một cách có kiểm soát; hình thành văn hóa chấp nhận và thử nghiệm cái mới; làm điểm, làm nhanh, sau đó đánh giá và nhân rộng; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo. Chính phủ đẩy nhanh tiến trình phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số.*

Trên đây là một số nội dung chính trong Báo cáo Tổng kết tình hình thi hành Luật Giao dịch điện tử *(Báo cáo gửi kèm)*, Bộ Thông tin và Truyền thông kính báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Cục ATTT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng